

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/LĐ-ST
Ngày: 23-11-2018
V/v yêu cầu bồi thường thiệt
hại do tai nạn lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tố Uyên
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đức
2. Bà Nguyễn Ngọc Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 10/2018/TLST-LĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017 về việc: “Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-LĐ ngày 05 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc B, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện G, tỉnh K; tạm trú: 40/15 khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại V (tên mới là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại V; trụ sở: Số 39/3 tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Lệ Q – Giám đốc; địa chỉ: Thửa đất số 430, Tờ bản đồ số C2, Khu sản xuất B, phường B, thị xã T, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Phạm Đình K, sinh năm 1984; địa chỉ: 178/23/20 Huỳnh Văn Lũy, tổ 7, phường P, thành phố T, tỉnh B.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Cháu Phạm Trần Ngọc H, sinh ngày 04/8/2013; thường trú: Ấp H, xã N, huyện G, tỉnh K; tạm trú: 40/15 khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh B. Do bà Trần Thị Ngọc B sinh năm 1995 (mẹ ruột cháu H); địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện G, tỉnh K; tạm trú: 40/15 khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh B là đại diện theo pháp luật.

3.2. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1958; thường trú: Ấp 3, xã A, huyện T, tỉnh Đ.

3.3. Ông Trần Văn H, sinh năm 1951; thường trú: Ấp H, xã N, huyện G, tỉnh K.

3.4. Bà Trần Thị B, sinh năm 1952; thường trú: Ấp H, xã N, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/4/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc B trình bày:

Bà Trần Thị Ngọc B là vợ của ông Phạm Anh T, kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã, huyện G, tỉnh K. Ông Phạm Anh T là công nhân lao động cho Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại V (hiện nay tên là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại V) (sau đây gọi tắt là Công ty V) từ tháng 3 năm 2016. Ngày 11/8/2016, trong lúc đang làm việc tại Cơ sở 2 Công ty V tại khu sản xuất B, phường B, thị xã T, tỉnh B thì bị tai nạn lao động do máy đập lỗ đè chết. Sau khi ông T chết, Công ty V đã bồi thường cho gia đình ông T (do bà B và mẹ ông T là bà L đứng ra nhận) các khoản tiền theo quy định của Bộ luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội số tiền 206.000.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện việc trả tiền tuất hàng tháng cho nhân thân của ông T theo quy định của pháp luật gồm những người sau đây: Con là cháu Phạm Trần Ngọc H, mẹ ruột tên Phạm Thị L, mẹ vợ tên Trần Thị B và cha vợ tên Trần Văn H. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty V trả tiền tuất hàng tháng cho 04 nhân thân của ông T mức 50% lương cơ sở hiện nay là 1.300.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8/2016 cho đến khi cháu Phạm Trần Ngọc H đủ 18 tuổi và cho đến khi bà Phạm Thị L, ông Trần Văn H và bà Trần Thị B chết, sau khi trừ đi số tiền bồi thường dư trong tổng số tiền 206.000.000 đồng là 32.333.260 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn xuất trình gồm: Biên bản thỏa thuận về việc giải quyết tai nạn lao động; biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động; bản sao giấy khai sinh; bản sao Giấy chứng nhận kết hôn.

- Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn xác nhận ông Phạm Anh T là công nhân làm việc cho bị đơn nhưng chưa ký hợp đồng với tổng mức lương bình quân mỗi tháng khoảng 3.900.000 đồng, bị đơn nhận ông T vào làm việc từ tháng 3/2016. Đến ngày 11/8/2016, ông T trong quá trình làm việc tại công ty thì xảy ra tai nạn bị máy đập lỗ ngã đè dẫn đến tử vong. Sau khi tai nạn xảy ra, phía bị đơn và đại diện gia đình ông T gồm bà L và bà B (là mẹ và vợ của ông T) đã thỏa thuận với nhau về việc bồi thường, theo đó bị đơn bồi thường tổng số tiền 206.000.000 đồng, bà B và bà L thống nhất không yêu cầu bồi thường gì thêm nên nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý.

Chứng cứ bị đơn cung cấp: Bảng tiền lương công nhân tháng 6 năm 2016.

- Tại bản tự khai ngày 02/8/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L trình bày: Bà L là mẹ ruột của ông Phạm Anh T. Bà L có 03 người con trong đó có ông T là con trai duy nhất nhưng hiện nay chị của ông T cũng chết, chỉ còn một người con gái đã đi lấy chồng, bà L sống một mình, bệnh tật thường xuyên nhưng không có người chăm sóc. Nay trước yêu cầu của nguyên đơn thì bà L hoàn toàn thống nhất và không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H và bà Trần Thị B trình bày: Ông H và bà B là cha mẹ ruột của bà Trần Thị Ngọc B. Bích có chồng là Phạm Anh T nhưng chưa có nhà cửa riêng nên vẫn còn sống chung với vợ chồng ông Hiếu khi về quê. Ông H và bà B không có nghề nghiệp ổn định, chỉ cất lưc bình để bán, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 150.000 đồng/tháng. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông H, bà B yêu cầu

Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, riêng ông H, bà B không có yêu cầu gì và không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc B rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc bà B không yêu cầu bị đơn trả tiền tuất hàng tháng cho bà Phạm Thị L, ông Trần Văn H và bà Trần Thị B, bà B chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền tuất hàng tháng cho cháu Phạm Trần Ngọc H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, mỗi tháng 50% mức lương 1.300.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L, ông Trần Văn H và bà Trần Thị B không yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả tiền tuất hàng tháng cho bà L, ông H, bà B, chỉ yêu cầu Tòa án chấp nhận buộc bị đơn trả tiền tuất hàng tháng cho cháu H theo yêu cầu của bà B.

Bị đơn không có ý kiến với việc bà B rút yêu cầu đối với việc buộc bị đơn trả tiền tuất hàng tháng cho bà L, bà Bé, ông H. Riêng đối với yêu cầu trả tiền tuất hàng tháng cho cháu H thì bị đơn chỉ đồng ý hỗ trợ tiền tuất một lần cho cháu H với số tiền 5.000.000 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền tuất hàng tháng cho cháu Phạm Trần Ngọc H. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền tuất hàng tháng cho bà Phạm Thị L, ông Trần Văn H và bà Trần Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc B khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động gây ra nên là tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự; bà Trần Thị Ngọc B cư trú tại khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh B, vì vậy, Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo Điểm c, Khoản 1, Điều 35 và Điểm đ, Khoản 1, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xác định tai nạn: Theo lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn thì ông Phạm Anh T làm việc tại Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại V (tên mới là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại V) từ tháng 3 năm 2016 nhưng chưa ký hợp đồng lao động. Ngày 11/8/2016, khi ông T đang làm việc tại cơ sở 2 của công ty thì xảy ra tai nạn máy đập lỗ đe lên người ông T dẫn đến ông T tử vong. Như vậy, ông T bị tai nạn dẫn đến chết trong thời gian làm việc tại Công ty V nên xác định đây là tai nạn lao động theo Điều 142 Bộ luật Lao động.

[3] Về xác định lỗi của các bên trong tai nạn lao động: Theo biên bản điều tra tai nạn lao động ngày 09/3/2017 của Sở Lao động Thương Binh và Xã hội tỉnh Bình

Dương xác định lỗi gây ra tai nạn lao động: Người sử dụng lao động không xây dựng và thực hiện quy trình an toàn lao động nhằm đảm bảo chống ngã cho máy đập lỗ và hướng dẫn cho người lao động trước khi tổ chức làm việc theo qui định tại Điều 136, 150 Bộ luật Lao động và Điều 15, 16 Luật An toàn vệ sinh lao động. Tại biên bản này cũng như biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động bà Nguyễn Thị Lệ Q đều thống nhất và ký tên vào biên bản nên Hội đồng xét xử xác định lỗi dẫn đến tai nạn lao động là do người sử dụng lao động (Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại V - tên mới là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại V).

[4] Về yêu cầu bồi thường của nguyên đơn, xét thấy: Tại biên bản thỏa thuận về việc giải quyết tai nạn lao động ngày 17/8/2016 giữa bà Nguyễn Thị Lệ Q với bà Trần Thị Ngọc B và bà Phạm Thị L thì bà Q đại diện cho Công ty V đã bồi thường cho gia đình Phạm Anh T số tiền 206.000.000 đồng và xác định đây là số tiền hỗ trợ chi phí mai táng và hỗ trợ thêm. Nguyên đơn thừa nhận đã nhận được số tiền trên và tự nguyện không yêu cầu các khoản bồi thường theo Luật An toàn, vệ sinh lao động, Bộ luật lao động mà chỉ yêu cầu bị đơn phải trả thêm tiền tuất hàng tháng cho cháu Phạm Trần Ngọc H sau khi trừ đi số tiền 32.333.260 đồng trong tổng số tiền 206.000.000 đồng đã bồi thường trước đó. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử chỉ xem xét về phần tiền tuất cho cháu Phạm Trần Ngọc H theo quy định của pháp luật.

Bị đơn cho rằng hai bên đã thỏa thuận bồi thường số tiền 206.000.000 đồng là bồi thường tất cả các khoản trong đó có tiền tuất nhưng biên bản thỏa thuận không thể hiện cụ thể từng số tiền cụ thể mà chỉ thể hiện là tiền hỗ trợ. Bị đơn cũng không có bất cứ chứng cứ gì chứng minh cho khoản tiền 206.000.000 đồng đã bao gồm tiền tuất cho thân nhân của ông T.

[5] Tại phiên tòa, bà B rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc buộc bị đơn trả tiền tuất hàng tháng cho ông Hiếu, bà Bé, bà L và ông H, bà B, bà L đều không yêu cầu bị đơn bồi thường tiền tuất hàng tháng bản thân họ nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét phần yêu cầu này.

Theo hồ sơ vụ án thể hiện: Bà Trần Thị Ngọc B và ông Phạm Anh T là vợ chồng. Bà B và ông T có 01 người con tên Phạm Trần Ngọc H, sinh ngày 04/8/2013 (chưa thành niên).

[6] Do đó, căn cứ theo Điều 67 Luật Bảo hiểm Xã hội thì cháu Phạm Trần Ngọc H thuộc trường hợp được hưởng trợ cấp tuất hàng tháng.

Điều 68 Luật Bảo hiểm Xã hội quy định “*Mức trợ cấp tuất hằng tháng đối với mỗi thân nhân bằng 50% mức lương cơ sở*”. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền trợ cấp tuất hàng tháng bằng 50% mức lương cơ sở là có cơ sở chấp nhận, cụ thể như sau:

Theo Nghị định 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính Phủ thì mức lương cơ sở áp dụng từ ngày 01/7/2018 là 1.390.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính tiền tuất hàng tháng cho cháu H với mức 50% của mức lương 1.300.000 đồng, xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Như vậy, bị đơn phải trả tiền tuất hàng tháng cho cháu Phạm Trần Ngọc H, sinh ngày 04/8/2013 đến khi cháu H đủ 18 tuổi số tiền $50\% \times 1.300.000 = 650.000$ đồng/tháng.

[7] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[8] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về việc chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[9] Án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm d, Khoản 1, Điều 32; Điều 35; Điểm đ, Khoản 1, Điều 40; các Điều 147, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 142, 144, 145 Bộ luật Lao động 2012;

- Điều 67, 68 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Nghị định 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính Phủ quy định về mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc B đối với bị đơn Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại V (nay là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại V) về việc tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động.

Buộc bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại V phải trả tiền tuất hàng tháng cho cháu Phạm Trần Ngọc H, sinh ngày 04/8/2013 mỗi tháng 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Bị đơn được khấu trừ số tiền 32.333.260 đồng (ba mươi hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi đồng).

Thời điểm bị đơn phải trả tiền tuất hàng tháng tính từ tháng 9 năm 2016.

Tiền tuất hàng tháng của cháu H sẽ do bà Trần Thị Ngọc B (là mẹ) đại diện nhận.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần yêu cầu bị đơn phải trả tiền tuất hàng tháng cho bà Phạm Thị L, ông Trần Văn H và bà Trần Thị B.

3/ Về án phí lao động: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3/ Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tố Uyên